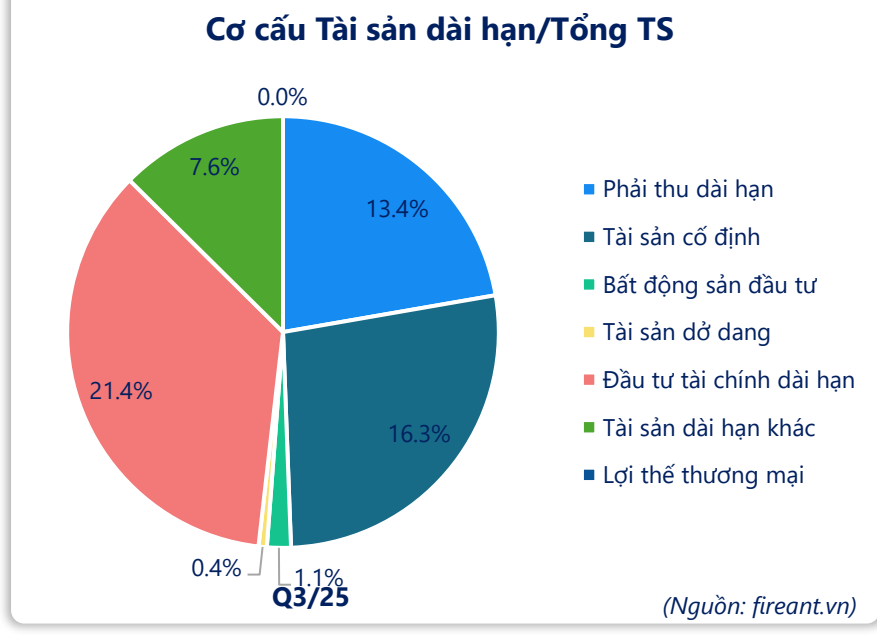
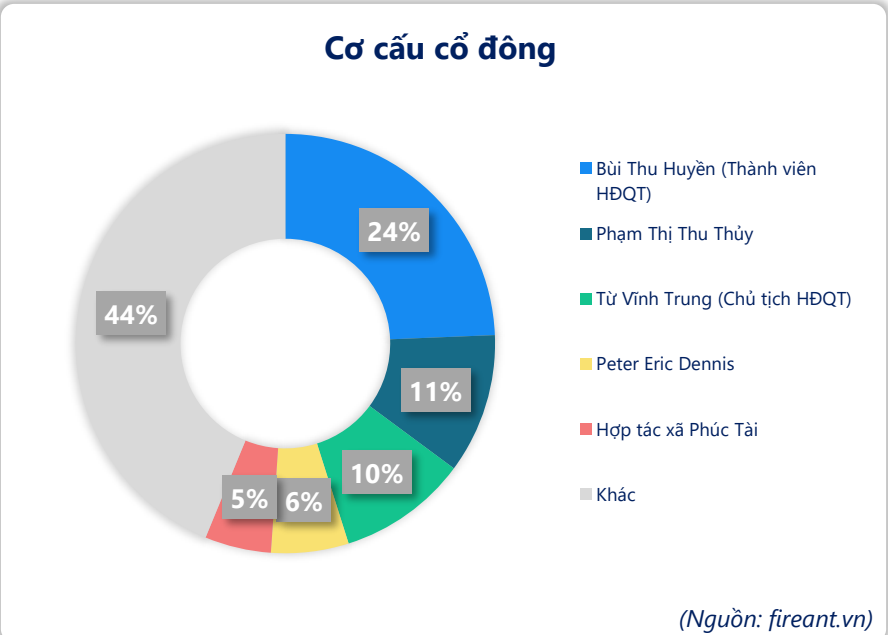
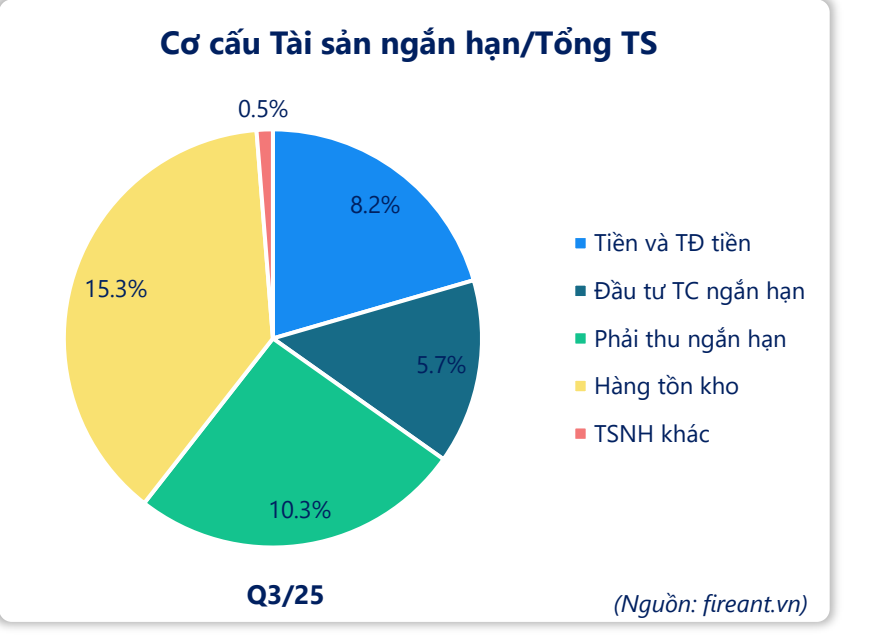
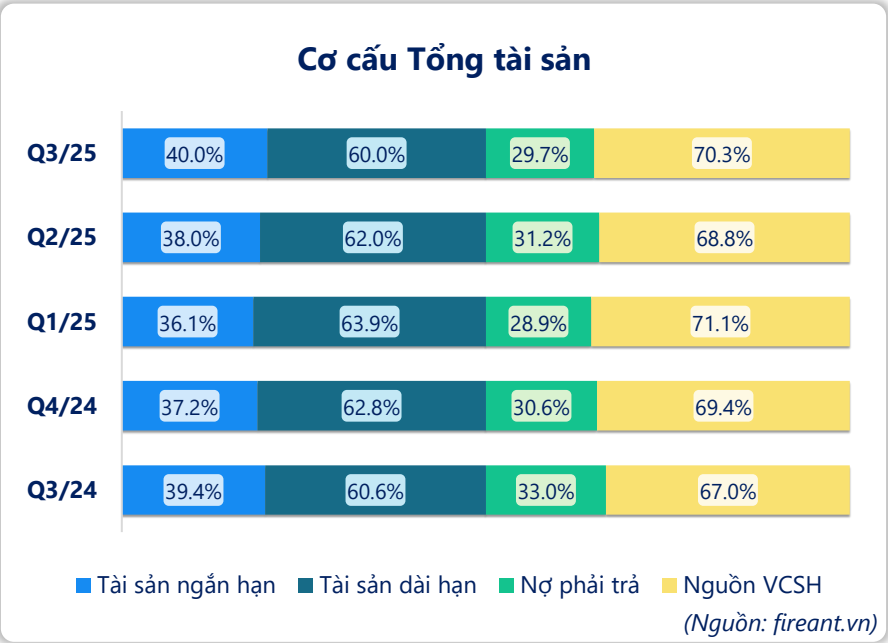
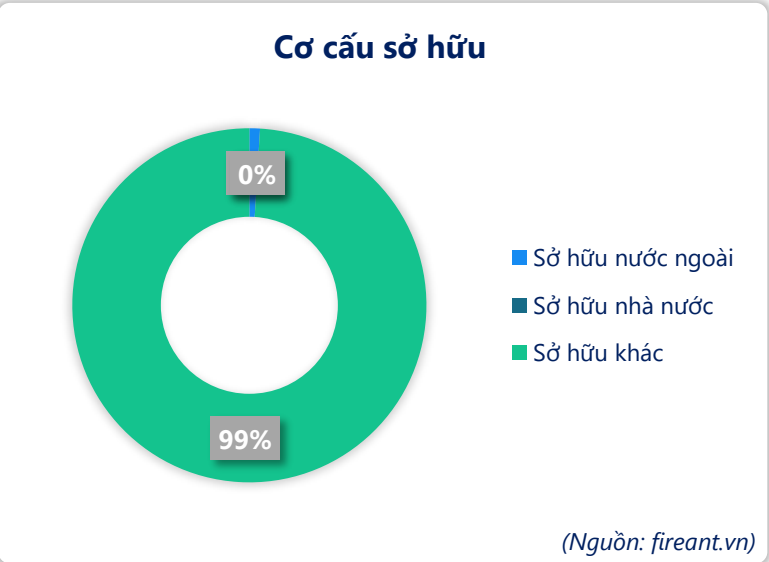
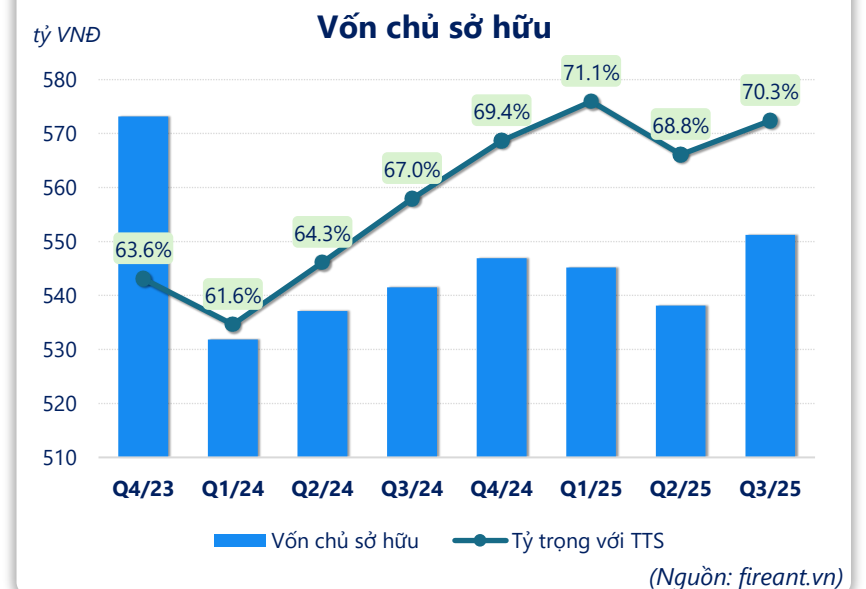
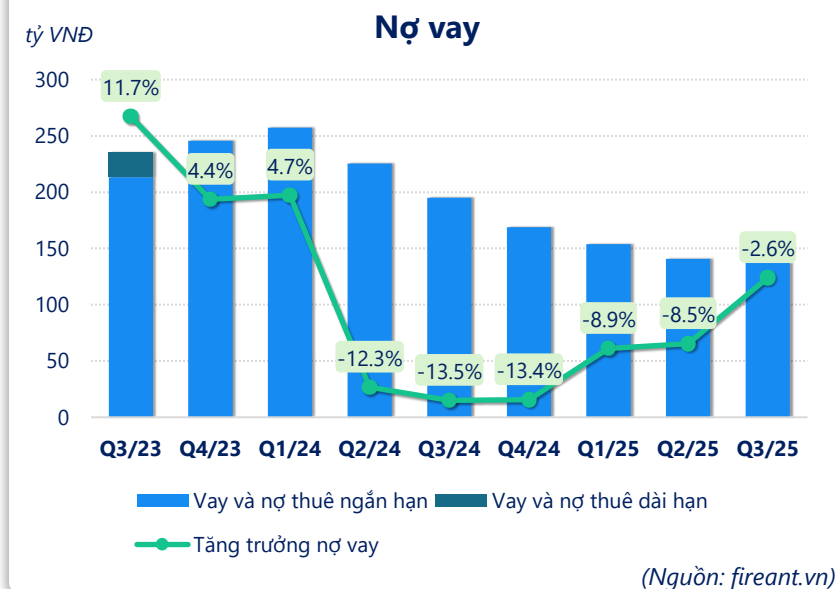
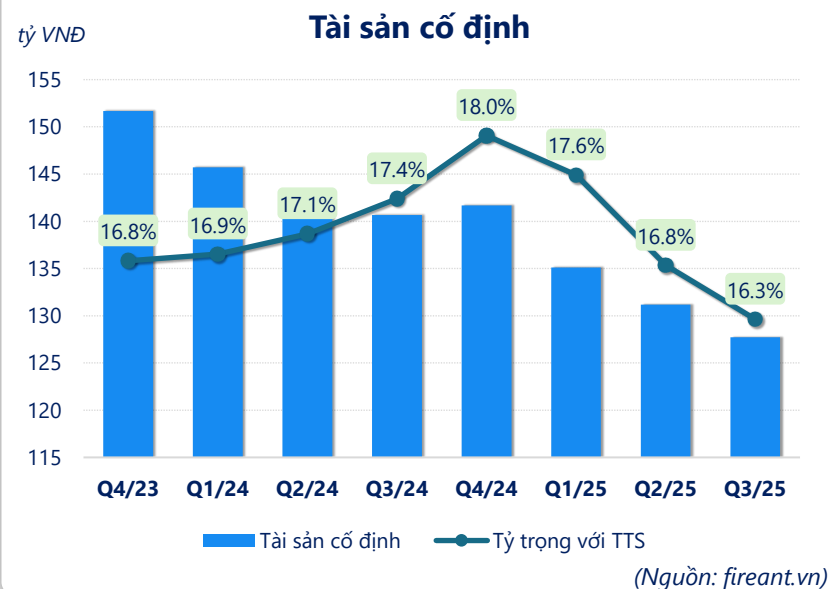
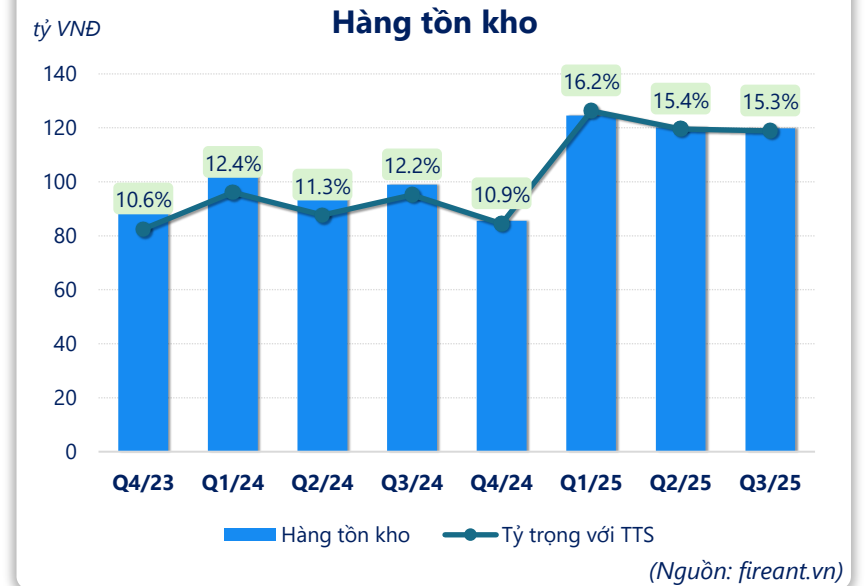
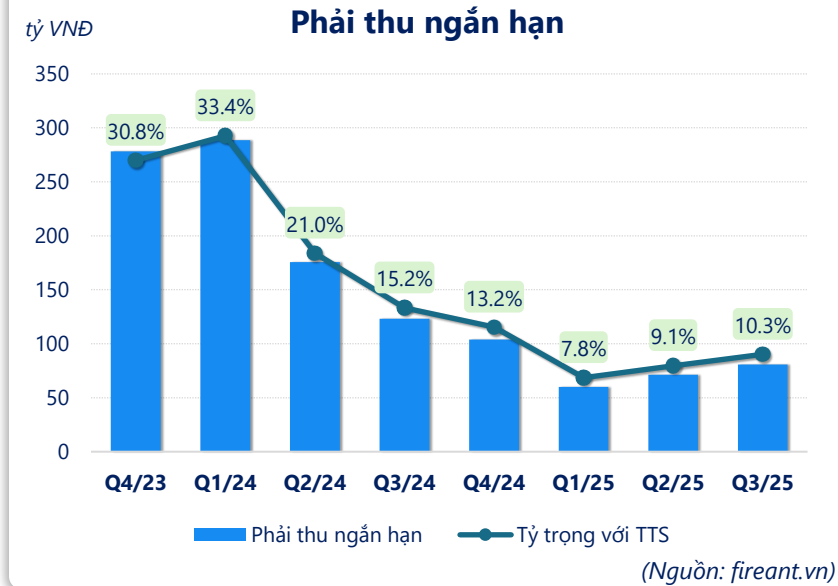
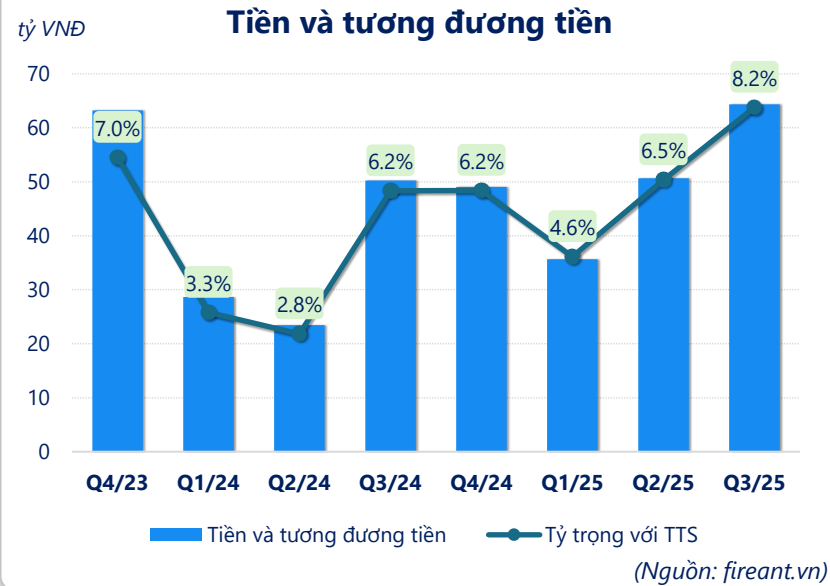
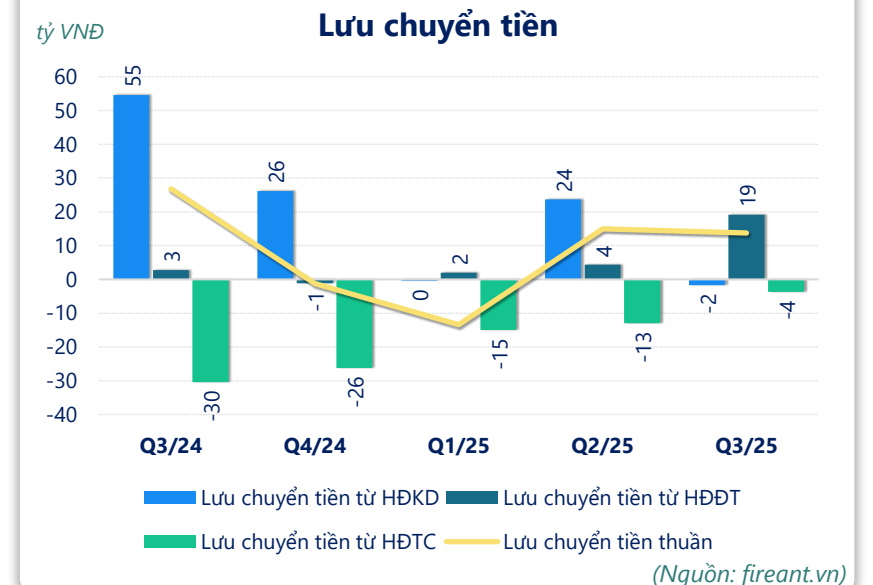
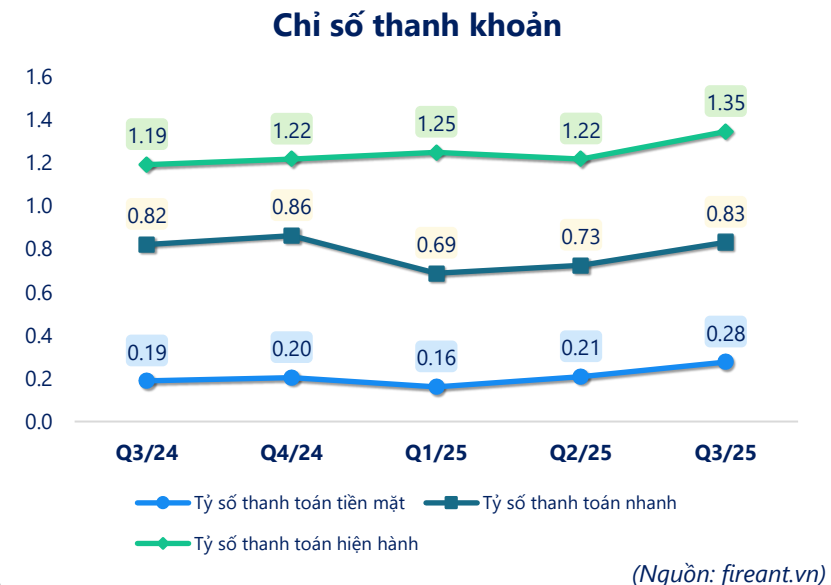
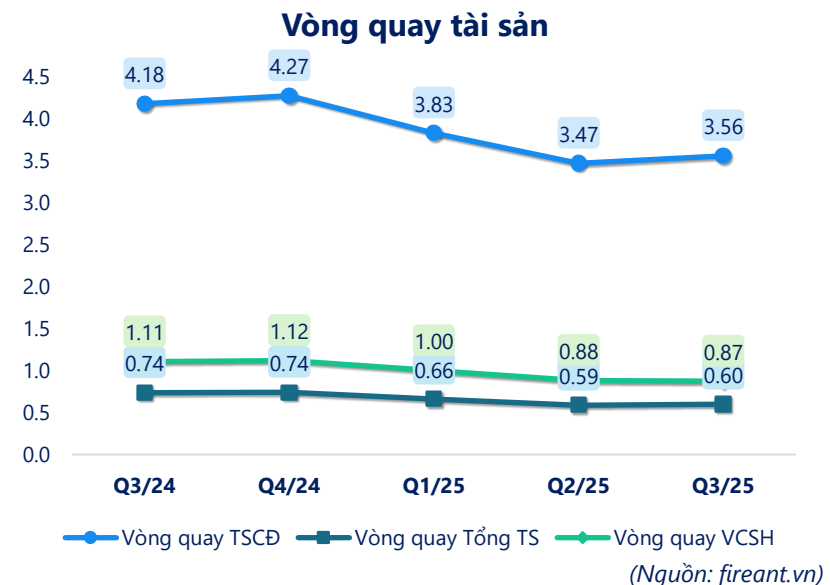
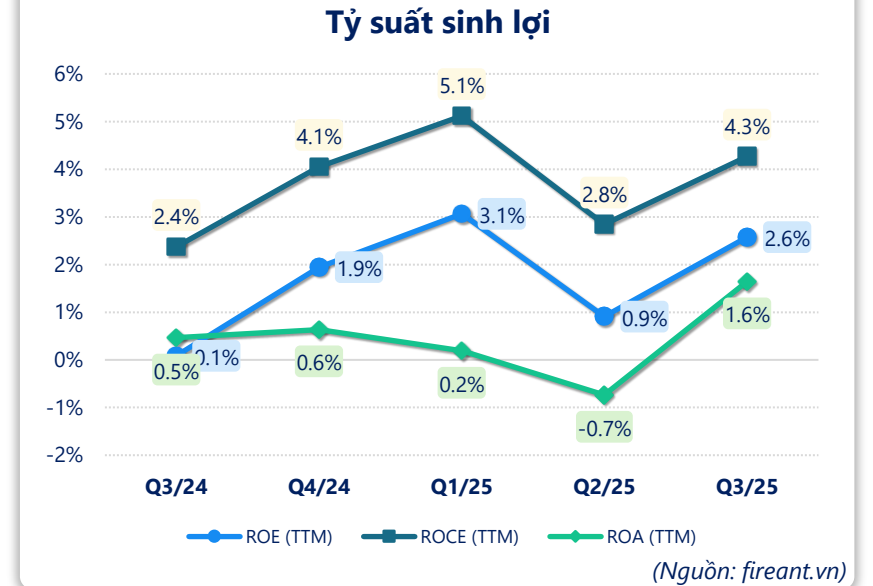
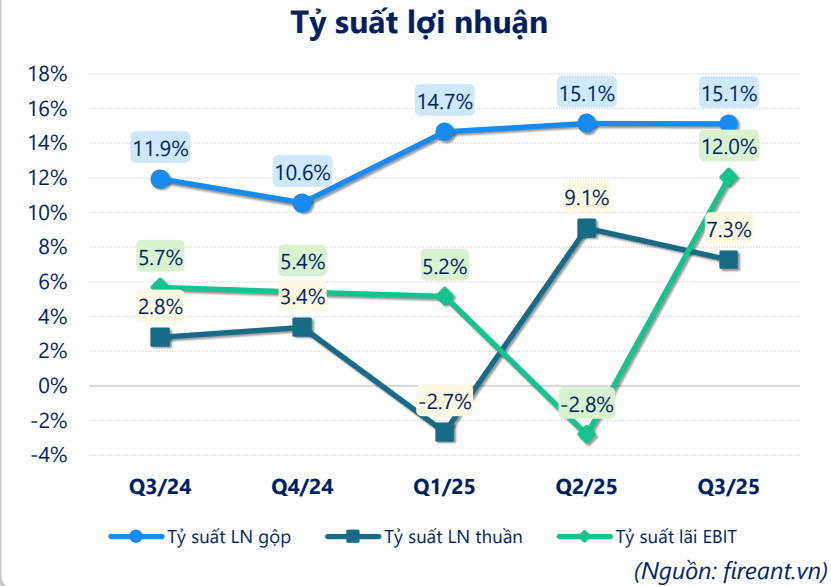
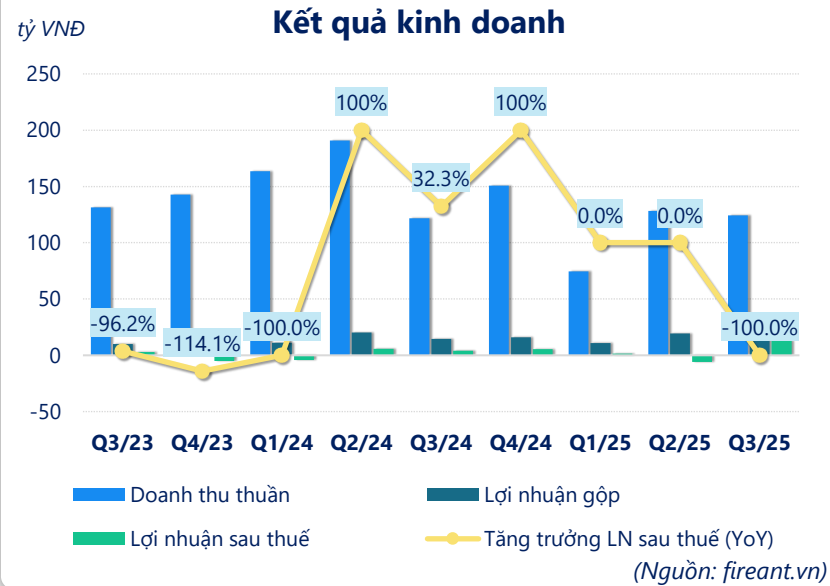


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		19,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,300
SL cổ phiếu LH		15,029,145
KLGD BQ 20 phiên (CP)		26,515
% sở hữu nước ngoài		1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		299
P/E		21.3
EPS		936

	YTD	1T	3T	6T
C32	14.4%	12.7%	11.2%	1.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	784	789	-0.5%
Tài sản ngắn hạn	314	293	7.0%
Tiền và tương đương tiền	64.4	49.1	31.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.9	50.7	-11.4%
Phải thu ngắn hạn	80.8	104	-22.2%
Hàng tồn kho	120	85.6	40.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.93	4.30	-8.5%
Tài sản dài hạn	471	495	-5.0%
Phải thu dài hạn	105	105	0.2%
Tài sản cố định	128	138	-7.6%
Bất động sản đầu tư	8.43	6.28	34.2%
Tài sản dở dang	2.92	2.48	17.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	168	183	-8.6%
Tài sản dài hạn khác	59.2	60.2	-1.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	233	245	-4.8%
Nợ ngắn hạn	233	245	-4.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	137	169	-18.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.9	16.4	15.1%
Nợ dài hạn	0.04	0.04	2.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	551	544	1.4%
Vốn chủ sở hữu	551	544	1.4%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	122	151	74.6	128	124
Giá vốn hàng bán	107	135	63.6	109	105
Lợi nhuận gộp	14.5	15.9	10.9	19.4	18.8
Doanh thu HĐTC	0.91	2.72	0.82	6.37	2.49
Chi phí TC	3.33	4.69	1.57	2.88	3.23
Chi phí lãi vay	2.95	2.75	2.31	2.34	1.84
LN trong công ty LKLD	1.50	4.51	-0.39	-3.84	4.80
Chi phí bán hàng	5.74	8.29	6.13	8.53	9.63
Chi phí QLDN	4.47	5.09	5.66	-1.14	4.17
LN thuần từ HĐKD	3.41	5.09	-1.99	11.7	9.02
Lợi nhuận khác	0.55	0.30	3.53	-17.6	4.07
LN trước thuế	3.96	5.39	1.53	-5.95	13.1
Lợi nhuận sau thuế	3.90	5.39	1.53	-5.95	13.1
LNST của CĐ cty mẹ	3.91	5.39	1.53	-5.95	13.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	54.5	26.2	-0.41	23.7	-1.72
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.72	-1.14	2.01	4.36	19.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-30.4	-26.2	-15.0	-13.0	-3.66
Tiền đầu kỳ	23.5	50.3	49.1	35.6	50.6
Lưu chuyển tiền thuần	26.8	-1.21	-13.4	15.0	13.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	50.3	49.1	35.6	50.6	64.4

(Nguồn: fireant.vn)